

Số: /BC-STC

Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 12 năm 2020

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tổng quan tình hình giá cả thị trường

Giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tại Hải Dương tháng 12/2020 vẫn tiếp tục có xu hướng giảm, với mức giảm nhẹ. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2020 là 99,95%, giảm 0,05% so với tháng 11/2020, giảm 1,14% so với tháng 12/2019 nhưng tăng 4,23% so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng, giá cả hầu hết các mặt hàng thực phẩm biến động giảm: giá gạo có xu hướng giảm nhẹ do nông dân được mùa, nguồn cung dồi dào; giá thịt lợn bình quân có xu hướng giảm; giá rau tươi, khô và chế biến giảm mạnh, giá xăng dầu được điều chỉnh 2 lần liên tiếp, giá vàng tháng có diễn biến phức tạp và có xu hướng giảm hơn 0,48% so với tháng trước. Đây là những yếu tố biến động chính tác động đến tình hình giá cả thị trường chung và chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 12/2020.

Biểu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2020

(theo số liệu của Cục Thống kê Hải Dương)

Mã nhóm hàng	Nhóm hàng	Chỉ số giá so với (%)		
		Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước
	Chỉ số giá chung	99,95	98,86	98,86
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,07	99,95	99,95
1	Lương thực	99,68	107,01	107,01
2	Thực phẩm	98,79	98,63	98,63
3	Ăn uống ngoài gia đình	99,97	102,11	102,11
II	Đồ uống và thuốc lá	100,17	100,81	100,81
III	May mặc, mũ nón, giày dép	100,18	100,42	100,42
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	99,93	96,68	96,68
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,03	100,56	100,56
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,00	100,31	100,31
VII	Giao thông	102,32	89,25	89,25
VIII	Bưu chính viễn thông	100,00	99,75	99,75
IX	Giáo dục	100,00	106,60	106,60

X	Văn hoá, giải trí và du lịch	99,94	96,87	96,87
XI	Hàng hoá và dịch vụ khác	100,03	100,39	100,39
	Vàng 99,99%, kiểu nhân tròn	99,52	130,28	130,28
	Đô la Mỹ, loại tờ 50-100 USD	99,84	99,95	99,95

2. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

2.1. Hàng lương thực

Chỉ số giá nhóm hàng lương thực trong tháng 12/2020 là 99,68%, giảm 0,32% so với tháng 11/2020, tăng 5,57% so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 7,01% so với tháng 12/2019.

Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm lương thực tháng này có xu hướng giảm chủ yếu do nguồn cung dồi dào do nông dân thu hoạch vụ mùa đạt năng suất cao. Giá các mặt hàng phổ biến trong tháng 12/2020 như sau: Thóc tẻ thường giá từ 6.500đ/kg-7.500đ/kg; gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) giá từ 13.000đ/kg-14.500đ/kg; gạo tẻ ngon (Bắc thơm) giá từ 15.000đ/kg-17.000đ/kg; gạo nếp cái hoa vàng giá từ 28.000đ/kg-29.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng lương thực khác diễn biến ổn định so với tháng 11/2020.

2.2. Hàng thực phẩm

Chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm trong tháng 12/2020 là 98,79%, giảm 1,21% so với tháng 11/2020 nhưng tăng 15,90% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 1,37% so với tháng 12/2019.

Giá cả hầu hết các mặt hàng thực phẩm tươi sống trong tháng 12/2020 diễn biến theo xu hướng giảm so với tháng 11/2020. Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm giảm so với tháng trước là do một số mặt hàng chủ yếu trong nhóm nguồn cung dồi dào nên giá giảm, giảm nhiều nhất là nhóm hàng thịt gia súc và các sản phẩm từ gia súc. Giá lợn hơi trong tháng phổ biến ở mức 66.000đ/kg-70.000đ/kg, giảm 3.000đ/kg-5.000đ/kg so với tháng 11/2020 làm cho giá các mặt hàng thịt lợn thành phẩm và các mặt hàng thực phẩm tươi sống khác trên thị trường cũng biến động giảm theo. Giá cả các mặt hàng phổ biến trong tháng cụ thể như sau: thịt lợn mông sấn giá 125.000đ/kg-130.000đ/kg; thịt lợn nạc thăn giá 135.000đ/kg-145.000đ/kg; thịt bò thăn, bò bắp (loại 1) giá 275.000đ/kg-280.000đ/kg; gà ta còn sống giá 70.000đ/kg-80.000đ/kg; cá chép (loại >1kg/con) giá 45.000đ/kg-50.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng rau xanh, củ quả trong tháng 12/2020 về cơ bản ổn định, một số mặt hàng biến động giảm nhẹ so với tháng 11/2020 do tình hình thời tiết thuận lợi cho việc trồng trọt nên sản lượng thu hoạch một số loại rau, quả tăng tác động đến nguồn cung hàng hóa trên thị trường. Giá cả một số mặt hàng phổ biến trong tháng như sau: rau cải xanh 8.000đ/kg-12.000đ/kg; khoai tây 12.000đ/kg-17.000đ/kg; bí xanh 14.000đ/kg-17.000đ/kg; cà chua 15.000đ/kg-27.000đ/kg.

Các mặt hàng thực phẩm khô, thực phẩm chế biến giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 11/2020.

2.3. Hàng tư liệu sản xuất - vật liệu xây dựng

a) Vật tư phân bón

Giá cả các mặt hàng vật tư phân bón về cơ bản diễn biến ổn định, đảm bảo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giá phân đạm urê phổ biến từ 8.000đ/kg-8.500đ/kg; giá phân lân từ 2.800đ/kg-3.000đ/kg.

b) Xăng, dầu

Giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 12/2020 được điều chỉnh 02 lần, cụ thể:

- Từ 15h00 ngày 11/12/2020, giá xăng E5-RON 92-II là 15.129đ/l, tăng 635đ/l; xăng RON 95-IV là 16.007đ/l, tăng 656đ/l; dầu Diezel 0,05S-II là 10.838đ/l, giảm 380đ/l.

- Từ 15h00 ngày 26/12/2020, giá xăng E5-RON 92-II là 15.518đ/l, tăng 389đ/l; xăng RON 95-IV là 16.497đ/l, tăng 472đ/l; dầu Diezel 0,05S-II là 12.376đ/l, tăng 484đ/l.

c) Vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 12/2020 tại Hải Dương về cơ bản diễn biến ổn định do nhu cầu thị trường không có nhiều biến động. Giá một số mặt hàng phổ biến hiện nay như sau: Thép xây dựng (loại $\Phi 6-8$): 15.800đ/kg-16.000đ/kg; cát vàng đổ bê tông: 430.000đ/m³-470.000đ/m³; cát đen xây dựng: 150.000đ/m³-180.000đ/m³; cát đen san lấp mặt bằng: 110.000đ/m³-130.000đ/m³; xi măng đen PCB30 Hoàng Thạch: 75.000đ/bao 50kg.

2.4. Vàng, đô la Mỹ**a) Giá vàng**

Giá vàng tại thị trường Hải Dương trong tháng 12/2020 diễn biến giảm do biến động thất thường của giá vàng thế giới nên ảnh hưởng tới giá vàng trong nước. Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 là 99,52%, giảm 0,48% so với tháng 11/2020 nhưng tăng 26,99% so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 30,28% so với tháng 12/2019. Giá vàng bình quân tháng 12/2020 là 5.409.000đ/chỉ, giảm 26.000đ/chỉ so với tháng 11/2020. Giá vàng trên thị trường hiện nay có xu hướng tăng, phổ biến từ 5.452.000đ/chỉ-5.462.000đ/chỉ và tiếp tục diễn biến theo xu hướng phức tạp, khó dự báo.

b) Đô la Mỹ

Giá Đô la Mỹ tại thị trường Hải Dương trong tháng 12/2020 có xu hướng giảm, mức giảm nhẹ so với tháng 11/2020. Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 12/2020 là 99,84%, giảm 0,16% so với tháng 11/2020, tăng 0,17% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 0,05% so với tháng 12/2019. Giá Đô la Mỹ bình quân tháng 11/2020 là 23.228đ/USD, giảm 383đ/USD so với tháng 11/2020. Hiện tại, giá Đô la Mỹ (loại tờ 50-100USD) phổ biến ở mức 23.218đ/USD-23.228đ/USD.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 12 NĂM 2020

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xác định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ (trong tháng 12/2020 đã thẩm định 13 hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định).

- Thẩm định giá nhà nước làm cơ sở tổ chức mua sắm tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương (trong tháng 12/2020 đã thẩm định 21 hồ sơ theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Bộ đơn giá bồi thường cây trồng, thủy sản và đào, đắp ao nuôi trồng thủy sản; đơn giá hỗ trợ tiền thuê nhà ở; đơn giá bồi thường di chuyển mộ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXD phổ biến tại nơi tiêu thụ tập trung tháng 12 năm 2020 làm cơ sở lập, thẩm tra, điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh trong tháng 01 năm 2021.

- Thường trực Ban chỉ đạo xử lý nhà, đất của tỉnh, tham mưu đề xuất với UBND tỉnh phương án xử lý một số điểm nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương; tham mưu giúp UBND tỉnh xác định giá trị đất và tài sản vật kiến trúc trên đất đối với những địa điểm thực hiện việc thu hồi và xử lý nhà, đất theo chủ trương của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh.

- Xác định giá trị tài sản thanh lý, tài sản không cần dùng của một số cơ quan, đơn vị, tài sản kê biên của các cơ quan pháp luật để bán đấu giá theo quy định; tham mưu, đề xuất phương án điều chuyển tài sản theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đơn giá bồi thường về đất theo quy định.

- Một số công việc thường xuyên khác./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Tỉnh uỷ Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, QLG-CS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Xuyên